TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/DS-PT
Ngày 11 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi
Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn
Ông Cao Quốc Chiến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 291/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ: đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thành K – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1983, theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017.

Địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1969

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Quốc T - là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Minh H trình bày: Trước đây Công ty cổ phần Đ có ký hợp đồng về việc cung cấp giống lúa và vật tư nông nghiệp cho ông Trần Quốc T để canh tác ruộng với số tiền là 39.395.000 đồng. Sau khi thu hoạch lúa xong nhưng ông T không thanh toán số tiền lúa giống và vật tư nông nghiệp mà Công ty đã cung cấp cho ông T. Đến ngày 05/01/2016 ông T có ký giấy xác nhận công nợ với Công ty hẹn sau vụ Đông xuân 2016 sẽ thanh toán số tiền này. Đến ngày hẹn ông T vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên nên ngày 24/3/2016 ông T tiếp tục ký xác nhận nợ hẹn đến ngày 01/4/2016 ông T sẽ thanh toán tiền cho Công ty. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông T vẫn không thanh toán số tiền 39.395.000 đồng.

Nay Công ty cổ phần Đ yêu cầu ông Trần Quốc T phải trả lại cho Công ty cổ phần Đ số tiền lúa giống và vật tư nông nghiệp là 39.395.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trần Quốc T trình bày: Ông thừa nhận trước đây có ký hợp đồng sản xuất lúa với Công ty cổ phần Đ. Theo hợp đồng Công ty sẽ cung cấp giống và vật tư nông nghiệp cho ông sản xuất lúa, sau khi thu hoạch thì ông phải bán lúa cho phía Công ty theo giá đã ký trong hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất lúa bị bệnh rầy cánh trắng gây thiệt hại nặng. Ông và một số hộ dân khác yêu cầu Công ty hỗ trợ giá. Người đại diện của Công ty là ông Nguyễn Hoàng P chức vụ Phó giám đốc sau khi đã bàn bạc với Công ty thì thông báo với ông, phía Công ty sẽ hỗ trợ về giống là 50% và vật tư là 40%. Nên ông đã bán số lúa của 58 công cho Công ty. Còn lại số lúa của 25 công thì phía Công ty nâng mức giá mua lên 6.000 đồng/1kg nên ông cũng đã bán số lúa còn lại cho Công ty. Tuy nhiên, sau đó Công ty không trả số tiền hỗ trợ của 58 công như đã hứa nên ông không đồng ý trả số tiền giống và vật tư nông nghiệp 39.395.000 đồng cho Công ty.

Đồng thời, ông cũng có đơn phản tố yêu cầu Công ty cổ phần Đ phải trả cho ông số tiền hỗ trợ là 43.210.000 đồng (58 công x 745.000 đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2017/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quốc T về việc đồng ý thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền mua bán lúa giống và vật tư nông nghiệp là 39.395.000 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Bác toàn bộ đơn yêu cầu phản tố của ông Trần Quốc T về việc yêu cầu Công ty cổ phần Đ phải trả cho ông số tiền hỗ trợ 58 công x 745.000đ/công = 43.210.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả trong thi hành án, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, ông Trần Quốc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Công ty cổ phần Đ phải trả số tiền 43.210.000 đồng để ông trừ số nợ đã thiếu Công ty cổ phần Đ số tiền 39.395.000 đồng. Số tiền trừ ngang qua thì Công ty cổ phần Đ phải trả lại ông 3.815.000 đồng.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang có quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Quốc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Quốc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh H không rút đơn khởi kiện, không đồng ý đơn kháng cáo của ông T, yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với cấp sơ thẩm: Thời điểm Công ty cổ phần Đ ký kết hợp đồng với ông T có cử ông Nguyễn Hoàng P là Phó Giám đốc công ty làm đại diện để trực tiếp theo dõi, quản lý diện tích lúa. Như vậy ông P làm trung gian, đại diện cho Công ty làm việc với các hộ dân đã ký kết các hợp đồng trong đó, có ông T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà đưa ông P tham gia tố tụng là người làm chứng là không đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông T; chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận

một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Quốc T, buộc Công ty cổ phần Đ hỗ trợ một phần thiệt hại cho ông T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông T đều thừa nhận có thiếu nợ tiền lúa giống và vật tư nông nghiệp 39.395.000 đồng của Công ty cổ phần Đ đến nay chưa thanh toán, ông T cũng đồng ý trả số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quốc T thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền mua lúa giống và vật tư nông nghiệp là 39.395.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Mặt khác, ông T cho rằng trong thời kỳ canh tác lúa bị bệnh rầy cánh trắng xâm hại gây thiệt hại, khi đó ông T yêu cầu Công ty cổ phần Đ hỗ trợ thêm về giá. Người đại diện của Công ty cổ phần Đ là ông Nguyễn Hoàng P – Chức vụ là Phó Giám đốc Công ty cho rằng đã có thỏa thuận với Công ty nên ông P đã thông báo cho các hộ dân trong đó có ông, Công ty sẽ hỗ trợ về giống lúa 50%, vật tư là 40%, tổng số tiền ông được Công ty hỗ trợ 43.210.000 đồng (58 công x 745.000 đồng), do Công ty cổ phần Đ không giao số tiền hỗ trợ nên ông không trả số tiền đã nợ của Công ty là 39.395.000 đồng, ông yêu cầu Công ty cổ phần Đ hỗ trợ ông số tiền 43.210.000 đồng. Xét thấy, những lời khai của ông Đỗ Đức H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Tấn M, ông Ngô Xuân S (bút lục số 43, 45, 47, 48) đều cho rằng ông P là người đại diện của Công ty cổ phần Đ sẽ hỗ trợ về giống là 50%, về vật tư là 40%, tổng số tiền hỗ trợ là 745.000 đồng/01 công; Và Đoạn ghi âm trong điện thoại của ông T, cũng cho rằng ông P có hứa sẽ hỗ trợ là 745.000 đồng/01 công cho các hộ dân nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông T không yêu cầu giám định đoạn ghi âm này. Nếu trường hợp này ông P hứa với ông T có hỗ trợ về giá nhưng ông P không có quyền quyết định vấn đề hỗ trợ giá cho các hộ dân, vì ông Ngô Thành K – là người đại diện theo pháp luật cho rằng ông P không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty nên việc trao đổi, bàn bạc với ông T là do cá nhân của ông P, không liên quan đến trách nhiệm của Công ty (bút lục số 33). Đồng thời, ông Nguyễn Hoàng P trình bày (bút lục số 53) "… Tôi có dự cuộc họp đó, trong cuộc họp tôi tuyên bố công ty không thể tăng giá. Nhưng do thất

mùa, công ty đang làm đề nghị lên các cấp quản lý có liên quan, để xin xem xét và hỗ trợ một phần chi phí sản xuất cho bà con, nếu bà con thực hiện đúng hợp đồng bao tiêu sản phẩm ký với công ty. Chứ tôi hoàn toàn không hứa là sẽ hỗ trợ bao nhiêu tiền". Như vậy, ông P không thừa nhận Công ty sẽ hỗ trợ cho ông T. Cũng trong hợp đồng thể hiện, tại Điều 8 của hợp đồng kinh tế về việc bao tiêu hàng hóa vụ lúa Đông Xuân năm 2015-2016 giữa Công ty cổ phần Đ với ông Trần Quốc T có quy định: " …. Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện có gì phát sinh hai bên chủ động gặp nhau để tìm cách giải quyết, mọi sự giải quyết phải thể hiện bằng văn bản …". Điều này đã chứng tỏ rằng mọi phát sinh giữa Công ty cổ phần Đ với ông T phải được giải quyết bằng văn bản. Trong khi đó, ông T không có tài liệu nào để chứng minh Công ty cổ phần Đ sẽ hỗ trợ cho ông số tiền 43.210.000 đồng, chỉ thể hiện bằng những lời khai ông T là không có cơ sở vững chắc. Do đó, lời khai của ông T không có căn cứ và hợp pháp.

[3] Đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đề nghị đưa ông Nguyễn Hoàng P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét thấy là không cần thiết. Bởi vì, ông Nguyễn Hoàng P là người đại diện cho Công ty cổ phần Đ để quản lý phần đất của các hộ dân, đồng thời trong hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần Đ đã ký kết với ông T, người ký hợp đồng là ông Ngô Thành K. Do đó, không cần thiết đưa ông P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Từ những nhận định nêu trên nên nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang về việc chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Quốc T.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất: không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc T và không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm, ông T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 428, 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc T; Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2017/DS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quốc T về việc đồng ý thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền mua bán lúa giống và vật tư nông nghiệp là 39.395.000 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác toàn bộ đơn yêu cầu phản tố của ông Trần Quốc T về việc yêu cầu Công ty cổ phần Đ phải trả số tiền hỗ trợ 58 công x 745.000đ/1 công = 43.210.000 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm mười nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Công ty cổ phần Đ là 39.395.000 đồng 5% = 1.969.750 đồng và số tiền không được chấp nhận là 43.210.000 đồng x 5% = 2.160.500 đồng. Tổng cộng hai khoản là 1.969.750 đồng + 2.160.500 đồng = 4.130.000 đồng (làm tròn). Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.080.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002753 ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Ông Trần Quốc T còn phải nộp thêm số tiền 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mười nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 984.000 đồng (chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng) (ông Trần Minh H nộp thay) theo lai thu số 0009173 ngày 05/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang cho Công ty cổ phần Đ.

- Án phí phúc thẩm, ông Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009148 ngày 30/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi